| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 412/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2019
***V/v** : "Ly hôn".*

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

*Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Hà Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1200/2018/TLST– HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/03/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST- HNGĐ ngày 03/4/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1980 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 4, xã Đ, huyện H, TP. Hồ Chí Minh
*2. Bị đơn*: Ông Nguyễn Xuân H - sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 4, xã Đ, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Xuân H tự nguyện kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà sống riêng, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng 03 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhận do ông H không có trách nhiệm với gia đình, không lo đi làm, thường xuyên uống rượu, bia, đánh đập bà. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông H.

- Về con chung: 01 trẻ tên Nguyễn Xuân N, sinh ngày 12/10/2006, bà yêu cầu được nuôi trẻ N, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khỏan 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông H tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 69 quyển số 1 ngày 29/08/2005 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H, bà khai mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng 03 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường xuyên uống bia, rượu, đánh đập bà, không lo đi làm, không có trách nhiệm với gia đình. Hội đồng xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông H vẫn cố tình tránh né không đến tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ ông H không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn. Tòa án cũng đã động viên bà N cố gắng trở về chung sống với ông H nhưng bà N không đồng ý và quyết định xin được ly hôn. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà N, ông H đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà N ông H có 01 con chung: Nguyễn Xuân N, sinh ngày 12/10/2006. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ N, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét thấy, do ông H không đến tòa, không trình bày ý kiến và yêu cầu của mình, ông H đã từ bỏ quyền yêu cầu. Ngoài ra, xét nguyện vọng của trẻ N muốn được sống với mẹ

nếu ba mẹ ly hôn, do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà N được trực tiếp nuôi trẻ N. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

Về nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà N phải nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

2/ Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Xuân N, sinh ngày 12/10/2006 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông H cho đến khi có yêu cầu của bà N.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà N đã nộp theo biên lai số 0004102 ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.H;
- Chi Cục THADS H.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Phụng**